

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số 39/2023/DSST

Ngày 06-7-2023

“V/v t/c hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tiến.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Huỳnh Thị Thuận.
Ông Nguyễn Văn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 3 năm 2023. Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023; Quyết định ngừng phiên tòa số 39/2023/QĐST- DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn 2, xã Đ, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

* ***Bị đơn:*** Ông Võ Minh H, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp M, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

* ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1- Bà Võ Thị D, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 8, ấp M, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

2- Bà Trần Thị N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21/02/2023, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày như sau:* : Bà Y hành nghề mua bán vịt đẻ và vịt con cho người có nhu cầu chăn nuôi vịt, ông H là người chăn nuôi vịt thường mua vịt của bà Y nên biết nhau. Trong quá trình làm ăn ông H nhiều lần mượn tiền số tiền nhỏ nên không có làm giấy, các lần cho mượn ông H trả đầy đủ. Vào ngày 27/01/2022 ông H mượn số tiền lớn thời hạn dài nên bà Y yêu cầu ông H đến Văn phòng công chứng lập hợp đồng vay, số tiền cho vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng nhưng không có ghi

vào hợp đồng, hạn vay là 1 năm. Trong thời gian thực hiện hợp đồng vay ông H trả lãi được 9 tháng từ tháng 10/2022 đến nay ông H không trả lãi, hết hạn vay ngày 26/01/2023 đến nay ông H cũng không giao trả lại tiền gốc đã vay. Bà Y liên hệ qua điện thoại ông H không nghe, đến nhà không gặp ông H, ông có tình vắng mặt không thanh toán tiền vay và tiền lãi suất cho bà Y.

Nay, bà Y yêu cầu ông H cùng vợ có nghĩa vụ thanh toán tiền vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) không yêu cầu lãi suất.

** Bị đơn ông Võ Minh H trình bày tại bản khai biên bản hòa giải:* Ông H có nợ tiền mua vịt của bà Y 40.000 con vịt con thành tiền khoảng 520.000.000đ, trong thời gian nợ không trả bà Y tính tiền lãi lên đến 630.000.000đ. Sau đó ông H không mua vịt của bà Y mà mua vịt của ông Võ Văn N, bà Trần Thị N, ông N là em ruột của chồng bà Y, còn thiếu ông N số tiền 370.000.000đ. Sau đó giữa ông N, bà N, bà Y với ông H thỏa thuận lập hợp đồng vay ghi dồn vào số tiền ông H nợ bà Y thành số tiền 1 tỷ, ông H ký vay nợ của bà Y, hợp đồng vay tiền được công chứng ngày 27/01/2022. Trong quá trình vay ông H đã thanh toán cho bà Y 3 lần, lần thứ nhất là 90.000.000đ tiền của 3 tháng lãi, lần thứ 2 số tiền 60.000.000đ thanh toán 2 tháng lãi, lần 3 số tiền 30.000.000đ của 1 tháng lãi và 50.000.000đ tiền gốc. Tổng cộng đã thanh toán được 6 tháng tiền lãi là 180.000.000đ và tiền gốc là 50.000.000đ. Các lần thanh toán tiền gốc, lãi không có làm giấy tờ. Nay, ông H chỉ chấp nhận thanh toán cho bà Y số tiền nợ là 630.000.000đ, còn 370.000.000đ là nợ của bà N nên không chấp nhận thanh toán.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày tại biên bản ghi lời khai:* Bà N với bà Y có quan hệ chị em dâu, chồng bà N là em ruột chồng bà Y, bà Y bán vịt con cho ông H còn bà N bán vịt đẻ, trong quá trình là ăn ông H nợ bà N số tiền 370.000.000đ. Khi làm giấy nợ bà Y bảo ghi cộng dồn vào số nợ bà Y tròn số nợ là 1 tỷ đồng, lập thành hợp đồng vay bà Y đứng tên cho ông H vay, bà Y thanh toán lại tiền ông H nợ cho bà N. Lâu quá không thấy bà Y nói gì đến số nợ, bà N hỏi, bà Y bảo bà N tự liên hệ trực tiếp với ông H để đòi nợ. Khi bà N điện thoại cho ông H, ông H bảo đã bà Y đang khởi kiện và đề nghị bà N đến Tòa án để trình báo về việc số tiền ông H ký vay 1 tỷ, trong đó có tiền nợ của bà N là 370.000.000đ. Số tiền 370.000.000đ bà N giao cho bà Y được quyền nhận của ông H không có chứng cứ mà có ông H làm chứng, thỏa thuận 3 bên đồng ý mới ký hợp đồng vay, thỏa thuận miệng không có văn bản. Nay, bà N không có yêu cầu độc lập, nếu có đủ chứng cứ bà N khởi kiện sau.

** Ý kiến của viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự, cũng như quan điểm về nội dung vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án và các thủ tục tố tụng khác; Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự bị đơn không chấp hành vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện ông Võ Minh H tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ông H có hộ khẩu thường trú tại huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Minh H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị D, bà Trần Thị N vắng mặt, mặc dù đã được cấp tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, đủ căn cứ giải quyết vắng mặt đương sự quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Chứng cứ do bà Y cung cấp là hợp đồng vay được công chứng Nguyễn Thị Thùy Trang ký công chứng số 686 ngày 27/01/2022 ghi rõ số tiền vay, quyền và nghĩa vụ các bên. Ông H thừa nhận hợp đồng số tiền vay là có thật, nhưng cho rằng chỉ nợ bà Y số tiền 630.000.000đ, đồng ý trả 630.000.000đ, còn lại 370.000.000đ là nợ của bà Trần Thị N. Qua hòa giải và đối chất ông H với bà N thì cho rằng trong số tiền ông H vay 1 tỷ có 370.000.000đ ông H nợ của bà N, bà Y thì phủ nhận. Ông H, bà N không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc thỏa thuận. Ông H thừa nhận chứng cứ là có thật, ông H có vay tiền hết hạn vay phải có nghĩa vụ trả nợ vay phù hợp Điều 466 Bộ Luật dân sự, nên buộc ông H có nghĩa vụ trả số nợ vay theo yêu cầu của bà Y. Tại phiên tòa bà Y rút yêu cầu đối với lãi suất nên đình chỉ giải quyết về phần lãi suất cho vay.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Hợp đồng vay chỉ có ông H đứng tên vay, mục đích vay phục vụ cho công việc làm ăn gia đình, nợ phát sinh trong giai đoạn hôn nhân nên buộc bà Võ Thị D là vợ ông H có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho bà Y.

[4] Về án phí: Ông Võ Minh H và bà Võ Thị D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 42.000.000đ, bà Y không phải chịu án phí.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 116, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu ông Võ Minh H và bà Võ Thị D trả nợ số tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Buộc ông Võ Minh H và bà Võ Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Y số tiền vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2- Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu ông Võ Minh H, bà Võ Thị D thanh toán tiền lãi suất phát sinh đối với số tiền vay.

3 - Về án phí: Ông Võ Minh H, bà Võ Thị D phải nộp 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí; Hoàn lại cho bà Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.000đ (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010149 ngày 21/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

3 - Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 06/7/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến